TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 31-5-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-KDTM ngày 09-02-2023, về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST - KDTM ngày 11-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989 - Chủ Cơ sở sản xuất giống cây trồng Mỹ L; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Thủ T, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn B, sinh năm 1975 – Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp và lúa giống 7 B; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-01-2023, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T - Chủ Cơ sở sản xuất giống cây trồng Mỹ L trình bày: ông chuyên sản xuất giống cây trồng, gia công đóng gói lúa giống các loại. Ông Trần Văn B là khách hàng thân thiết, thường xuyên mua giống nếp Mỹ L của ông. Tính đến ngày 08-5-2021,

ông B còn nợ ông số iền 240.620.000 đồng. Ngày 08-6-2022, ông B có ký xác nhận nợ cho ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B trả cho ông số tiền nợ là 240.620.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08-6-2021 đến khi xét xử, tạm tính đến ngày 08-01-2023 là 75.891.548 đồng (240.620.000 đồng x 1,66%/tháng x 19 tháng = 75.891.548 đồng), tổng cộng là 316.511.548 đồng (*ba trăm mười sáu triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng)*.

Tại bản tự khai ngày 20-3-2023, bị đơn là ông Trần Văn B – Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp và lúa giống 7 B trình bày: ông có nợ ông Nguyễn Thanh T số tiền là 240.620.000 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)*. Hiện nay, gia đình ông đang gặp rất nhiều khó khăn, không thể thanh toán tiền gốc và lãi cho ông T. Ông đồng ý trả dần tiền vốn cho ông T, xin không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn là ông Trần Văn B cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, bị đơn ông Trần Văn B: ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T, ông B.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét giữa T và ông B có quan hệ mua bán nếp giống Mỹ L, tính đến ngày 08-6-2021 thì ông B còn nợ ông T số tiền 240.620.000 đồng.

[4]. Ông T yêu cầu ông B trả cho ông số tiền gốc là 240.620.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 08-6-2021 đến nay là 47.931.500 đồng (240.620.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng = 47.931.500 đồng), tổng cộng là 288.551.500 đồng là có

căn cứ, phù hợp với các điều 50, 55, 306 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Ông B đồng ý trả tiền vốn cho ông T nhưng xin trả dần, xin không trả tiền lãi là kéo dài thời gian, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông B.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được Tòa án chấp nhận, nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1, 8 Điều 3, các điều 50, 55, 306 Luật Thương mại, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T – Chủ cơ sở sán xuất giống cây trồng Mỹ L.

1. Buộc ông Trần Văn B - Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp và lúa giống 7 B trả cho ông Nguyễn Thanh T - Chủ cơ sở sán xuất giống cây trồng Mỹ L số tiền 288.551.500 đồng (*hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn năm nghìn đồng*).

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn B - Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp và lúa giống 7 B phải chịu 14.427.600 đồng (*mười bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh T - Chủ cơ sở giống cây trồng Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.912.000 đồng *(bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003394 ngày 06-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Ông T - Chủ cơ sở sán xuất giống cây trồng Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông B - Chủ Đại lý vật tư nông nghiệp và lúa giống 7 B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự:
+ NĐ: (01);
+ BĐ: (01);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thanh Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA